CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính riêng

Quý 1 năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09 – 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11– 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 – 72

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ báo cáo quý 1 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 24/03/2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết hiện tại là 307.804.450 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 là: 3.078.044.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân, Hầm đường bộ Đèo Cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao; đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao; dịch vụ thu phí cầu đường; vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; xây dựng nhà các loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; sửa chữa máy móc thiết bị; sửa chữa thiết bị điện; sửa chữa thiết bị khác; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; cho thuê xe có động cơ; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bốc xếp hàng hóa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; hoạt động tư vấn quản lý; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con: 03 Công ty			
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	68,34%	68,34%	1.022.315.050.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	72,09%	72,09%	1.566.373.980.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,32%	99,32%	272.331.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 03 Công ty			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,21%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	134.000.000.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị Xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Văn phòng đại diện tại Hà Nội	Tầng 16, Tòa nhà văn phòng số 265 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08/08/2019	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	08/08/2019	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	29/04/2022	
	Thành viên	24/04/2022	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	21/07/2015	
Ông Trần Chủng	Thành viên	17/06/2020	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	01/11/2021	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17/06/2020	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	24/04/2022	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Ông Trần Văn Chí	Phó TGĐ thường trực	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16/04/2018	
Bà Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17/06/2020	
Bà Phan Thị Mai	Thành viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	

Kế toán trưởng:

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ân	17/06/2020	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ báo cáo quý 1 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 04 năm 2023
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám Đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.03.2023 VND	Tại ngày 01.01.2023 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**980.020.489.216**	**887.896.441.449**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.1	**180.583.439.906**	**117.874.048.252**
111	Tiền		111.288.044.954	62.860.003.473
112	Các khoản tương đương tiền		69.295.394.952	55.014.044.779
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**608.385.974.406**	**607.950.451.806**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	410.343.075.989	466.162.982.049
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	67.036.138.937	33.422.245.873
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	3.500.000.000	1.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	140.717.306.211	120.575.770.615
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	**Hàng tồn kho**		**189.787.895.726**	**160.745.755.816**
141	Hàng tồn kho	V.8	189.787.895.726	160.745.755.816
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**1.263.179.178**	**1.326.185.575**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	1.201.998.845	1.326.185.575
152	Thuế GTGT được khấu trừ		61.180.333	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31.03.2023 VND	Tại ngày 01.01.2023 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.484.168.069.028**	**3.473.810.154.569**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**224.625.397.531**	**224.625.397.531**
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3	3.094.427.531	3.094.427.531
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	221.530.970.000	221.530.970.000
220	**Tài sản cố định**		**99.903.770.422**	**99.761.449.382**
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	90.500.374.085	99.166.395.728
222	Nguyên giá		168.753.980.450	174.146.767.655
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(78.253.606.365)	(74.980.371.927)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	8.814.312.956	-
225	Nguyên giá		8.932.719.136	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(118.406.180)	-
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	589.083.381	595.053.654
228	Nguyên giá		718.292.634	718.292.634
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(129.209.253)	(123.238.980)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**23.807.281.385**	**13.636.905.417**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	23.807.281.385	13.636.905.417
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**3.132.520.030.000**	**3.132.520.030.000**
251	Đầu tư vào công ty con	V.2b	2.861.020.030.000	2.861.020.030.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	269.500.000.000	269.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	2.000.000.000	2.000.000.000
260	**Tài sản dài hạn khác**		**3.311.589.690**	**3.266.372.239**
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	3.311.589.690	3.266.372.239
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**4.464.188.558.244**	**4.361.706.596.018**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.03.2023 VND	Tại ngày 01.01.2023 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**889.099.367.104**	**822.811.510.664**
310	**Nợ ngắn hạn**		**731.590.982.790**	**686.691.391.670**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	165.515.872.515	192.638.164.185
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	255.155.493.715	111.933.245.928
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.16	14.920.828.650	38.452.641.616
314	Phải trả người lao động		9.681.536.960	10.890.666.246
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	41.336.057.236	25.498.530.509
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18a	1.100.000.000	1.100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.19	73.944.965.787	76.369.141.645
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	168.785.971.208	228.194.704.822
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.150.256.719	1.614.296.719
330	**Nợ dài hạn**		**157.508.384.314**	**136.120.118.994**
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18b	8.537.133.578	8.800.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	148.971.250.736	127.320.118.994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31.03.2023 VND	Tại ngày 01.01.2023 VND
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**3.575.089.191.140**	**3.538.895.085.354**
410	**Vốn chủ sở hữu**	V.21	**3.575.089.191.140**	**3.538.895.085.354**
411	Vốn góp của chủ sở hữu		3.078.044.500.000	3.078.044.500.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*3.078.044.500.000*	*3.078.044.500.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần		(537.900.000)	(537.900.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển		7.148.483.380	7.148.483.380
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		490.434.107.760	454.240.001.974
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*454.240.001.974*	*288.749.732.106*
421b	*- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay*		*36.194.105.786*	*165.490.269.868*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**4.464.188.558.244**	**4.361.706.596.018**

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho Quý 1 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.1	**222.467.126.881**	**137.035.275.849**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.1	**222.467.126.881**	**137.035.275.849**
11	**Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**	VI.2	**170.465.464.074**	**87.678.113.636**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**52.001.662.807**	**49.357.162.213**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	6.347.627.273	7.590.145.121
22	Chi phí tài chính	VI.4	6.850.983.661	6.702.830.804
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*6.850.983.661*	*6.702.830.804*
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	7.516.860.163	7.815.386.566
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**43.981.446.256**	**42.429.089.964**
31	Thu nhập khác	VI.6	147.381.312	-
32	Chi phí khác	VI.7	147.377.486	-
40	**Lợi nhuận khác**		**3.826**	**-**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**43.981.450.082**	**42.429.089.964**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho Quý 1 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	VI.9	7.787.344.296	6.982.267.067
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		36.194.105.786	35.446.822.897

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý 1 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**43.981.450.082**	**42.429.089.964**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		3.747.259.961	1.295.087.215
03	Các khoản dự phòng		-	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.347.627.273)	(7.590.145.121)
06	Chi phí lãi vay		6.850.983.661	6.702.830.804
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**48.232.066.431**	**42.836.862.862**
09	Giảm các khoản phải thu		10.888.197.552	134.456.285.076
10	Tăng hàng tồn kho		(29.042.139.910)	(47.550.024.975)
11	Tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]		127.908.956.582	7.127.641.465
12	Giảm chi phí trả trước		78.969.279	278.519.547
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.349.100.157)	(1.544.818.949)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(34.213.906.403)	(20.030.000.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**119.503.043.374**	**115.574.465.026**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.818.197.669)	(6.747.322.971)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		-	-
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.500.000.000)	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.000.000.000)	(120.011.400.000)
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.282.147.821	7.590.145.121
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(19.036.049.848)**	**(119.168.577.850)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý 1 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn		112.702.684.168	100.282.216.141
34	Chi trả nợ gốc vay		(149.795.222.374)	(59.028.825.906)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính		(665.063.666)	-
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(37.757.601.872)**	**41.253.390.235**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**62.709.391.654**	**37.659.277.411**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ**	**V.1**	**117.874.048.252**	**11.600.983.258**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ**	**V.1**	**180.583.439.906**	**49.260.260.669**

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho Quý 1 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 24/03/2023.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 là: 3.078.044.500.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Hình thức kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao; đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao; dịch vụ thu phí cầu đường; vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; xây dựng nhà các loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; sửa chữa máy móc thiết bị; sửa chữa thiết bị điện; sửa chữa thiết bị khác; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng công trình công ích; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; cho thuê xe có động cơ; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bốc xếp hàng hóa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; hoạt động tư vấn quản lý; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty:

Danh sách các Công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.03.2023	01.01.2023	31.03.2023	01.01.2023
1	Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Tầng 16, Tháp văn phòng, Tòa nhà số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	68,34%	68,34%	68,34%	68,34%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh - P.Tân Định - Q1 - TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	72,09%	72,09%	72,09%	72,09%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	99,32%	99,47%	99,32%	99,47%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.03.2023	01.01.2023	31.03.2023	01.01.2023
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	32 Thạch Thị Thanh - P.Tân Định - Q1 - TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	21,95%	21,95%	21,95%	21,95%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 16, tòa nhà số 265 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội, Việt Nam	47,21%	47,21%	50,00%	50,00%
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Tầng 20, tòa nhà 109 Trần Hưng Đạo, P.Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết:

i. Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 17 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/04/2023.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

i. Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn (tiếp theo)

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 là: 1.495.847.400.000 VND

ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2022.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

+ Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 là: 2.172.792.730.000 VND

iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/02/2021.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT (tiếp theo)

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:
+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019; Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND
+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 là: 274.186.000.000 VND

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/03/2023.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 là: 61.500.000.000 VND

v. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 27/05/2022.
Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013:
+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 2.644.478.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu: 339.447.800.000 VND
+ Vốn vay: 2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 là: 305.000.000.000 VND

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

vi. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/04/2023.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/03/2023 là: 424.000.000.000 VND

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Huyện Đông Hoà, Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạch, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị Xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Văn phòng đại diện tại Hà Nội	Tầng 16, Tòa nhà văn phòng số 265 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;
+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;
+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;
+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c) Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:
- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:
- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4. Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

- Khấu hao tài sản cố định:
Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), thuê tài chính (tiếp theo)

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:
- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cá tài chính riêng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

15. Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:
- *Quỹ đầu tư phát triển* được trích lập từ lợi nhuân sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* được trích lập từ lợi nhuân sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hợp đồng xây lắp

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

c) Doanh thu hợp đồng xây lắp (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

e) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

f) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu (tiếp theo)

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

24. Công cụ tài chính (tiếp theo)

a) Tài sản tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Tiền mặt	902.091.281	3.013.248.224
Tiền gửi ngân hàng	110.385.953.673	59.846.755.249
Các khoản tương đương tiền	69.295.394.952	55.014.044.779
Cộng	**180.583.439.906**	**117.874.048.252**

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.03.2023		01.01.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Dài hạn	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
Trái phiếu (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**	**2.000.000.000**

(*) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do Vietinbank phát hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

	31.03.2023			01.01.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	**2.861.020.030.000**	**-**	**-**	**2.861.020.030.000**	**-**	**-**
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	1.566.373.980.000	-	-	1.566.373.980.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	1.022.315.050.000	-	-	1.022.315.050.000	-	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	272.331.000.000	-	-	272.331.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**269.500.000.000**	**-**	**-**	**269.500.000.000**	**-**	**-**
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	134.000.000.000	-	-	134.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000	-	-	122.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000	-	-
Cộng	**3.130.520.030.000**	**-**	**-**	**3.130.520.030.000**	**-**	**-**

(*) Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên liên quan	**366.970.065.804**	**425.436.098.271**
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	218.614.680.547	204.674.011.147
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	62.122.885.472	116.695.539.018
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	36.593.982.956	37.201.806.556
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	22.023.496.907	31.279.173.157
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	14.510.434.938	22.098.459.698
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	12.449.117.495	13.361.179.695
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả	655.467.489	125.929.000
Bên thứ ba	**43.373.010.185**	**40.726.883.778**
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng A2Z	7.026.815.764	6.966.815.764
Công ty Cổ phần xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
Khu Quản lý đường bộ III	4.722.240.000	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	4.371.545.406	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Hoàng Long	1.519.200.000	1.342.200.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	5.082.418.376
Đối tượng khác	17.174.065.953	18.776.306.576
Cộng	**410.343.075.989**	**466.162.982.049**

b) Phải thu khách hàng dài hạn

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên liên quan	**3.094.427.531**	**3.094.427.531**
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	3.094.427.531	3.094.427.531
	3.094.427.531	**3.094.427.531**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên thứ ba	**67.036.138.937**	**33.422.245.873**
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	14.128.866.762	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phú Hiển Vinh	11.705.752.054	12.679.038.198
Công ty Cổ Phần XD và Đầu tư Trung Hải	9.360.557.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Hoàng Long	6.294.165.983	1.879.376.870
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	5.345.127.695	3.322.390.074
Công ty Cổ phần ĐT XD TM DV BĐS Thành Phát	3.235.050.712	-
Công ty TNHH Thép QSB	2.072.860.916	-
Công ty Cổ phần thép Sao Việt Hưng Yên	518.962.020	-
Công ty Cổ phần T.Đ.T	1.379.096.295	1.707.707.125
Công ty TNHH Thăng Long L.T	-	2.494.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng BITCO	-	1.143.935.104
Đối tượng khác	12.995.699.500	10.195.798.502
Cộng	**67.036.138.937**	**33.422.245.873**

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long(*)	2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Asphalt (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	**3.500.000.000**	**1.000.000.000**

(*) Khoản cho Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long vay với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

(**) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Asphalt vay với lãi suất 9%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

	31.03.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	**6.494.926.796**	**-**	**2.490.382.232**	**-**
Ký cược, ký quỹ	**338.700.000**	**-**	**100.000.000**	**-**
Bên liên quan	**100.000.000**	**-**	**100.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên khác	**238.700.000**	**-**	**-**	**-**
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	238.700.000	-	-	-
Phải thu khác	**133.883.679.415**	**873.033.836**	**117.985.388.383**	**873.033.836**
Bên liên quan	**131.902.881.669**	**-**	**116.902.881.669**	**-**
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	102.000.000.000	-	102.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	15.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả - Bảo hành công trình	14.881.361.082	-	14.881.361.082	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	21.520.587	-	21.520.587	-
Bên thứ ba	**1.980.797.746**	**873.033.836**	**1.082.506.714**	**873.033.836**
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
Thuế GTGT đầu vào TSCĐ cho thuê	832.811.580	-	-	-
Đối tượng khác	310.168.166	35.215.836	244.688.714	35.215.836
Cộng	**140.717.306.211**	**873.033.836**	**120.575.770.615**	**873.033.836**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

b) Dài hạn

	31.03.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	**221.530.970.000**	**-**	**221.530.970.000**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	221.530.970.000	-	221.530.970.000	-
Cộng	**221.530.970.000**	**-**	**221.530.970.000**	**-**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

7. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31.03.2023			01.01.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng	**11.035.892.482**	**-**	**(11.035.892.482)**	**11.035.892.482**	**-**	**(11.035.892.482)**
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắk Lắk	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
Trả trước cho người bán	**1.301.620.413**	**-**	**(1.301.620.413)**	**1.301.620.413**	**-**	**(1.301.620.413)**
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
Phải thu ngắn hạn khác	**873.033.836**	**-**	**(873.033.836)**	**873.033.836**	**-**	**(873.033.836)**
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
Cộng	**13.210.546.731**	**-**	**(13.210.546.731)**	**13.210.546.731**	**-**	**(13.210.546.731)**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	31.03.2023		01.01.2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	177.229.513.274	-	148.953.796.014	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.374.652.501	-	11.608.229.851	-
Công cụ, dụng cụ	183.729.951	-	183.729.951	-
Cộng	**189.787.895.726**	**-**	**160.745.755.816**	**-**

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	258.119.814	207.302.703
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	373.949.320	319.930.406
Các khoản khác	569.929.711	798.952.466
Cộng	**1.201.998.845**	**1.326.185.575**

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	2.870.171	3.376.670
Các khoản khác	3.308.719.519	3.262.995.569
Cộng	**3.311.589.690**	**3.266.372.239**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	**40.396.763.539**	**58.191.295.653**	**74.923.642.198**	**635.066.265**	**174.146.767.655**
Số tăng trong kỳ	**-**	***3.757.181.818***	**-**	***120.327.272***	***3.877.509.090***
Mua trong kỳ	-	3.757.181.818	-	120.327.272	3.877.509.090
Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	**-**	***3.157.407.407***	***6.112.888.888***	**-**	***9.270.296.295***
Thanh lý, nhượng bán	-	3.157.407.407	6.112.888.888	-	9.270.296.295
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**40.396.763.539**	**58.791.070.064**	**68.810.753.310**	**755.393.537**	**168.753.980.450**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	**12.847.784.627**	**15.762.764.355**	**45.745.587.321**	**624.235.624**	**74.980.371.927**
Số tăng trong kỳ	***540.218.481***	***1.833.269.932***	***1.241.690.603***	***7.704.492***	***3.622.883.508***
Khấu hao trong kỳ	540.218.481	1.833.269.932	1.241.690.603	7.704.492	3.622.883.508
Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	**-**	***65.779.320***	***283.869.750***	**-**	***349.649.070***
Thanh lý, nhượng bán	-	65.779.320	283.869.750	-	349.649.070
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**13.388.003.108**	**17.530.254.967**	**46.703.408.174**	**631.940.116**	**78.253.606.365**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	**27.548.978.912**	**42.428.531.298**	**29.178.054.877**	**10.830.641**	**99.166.395.728**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**27.008.760.431**	**41.260.815.097**	**22.107.345.136**	**123.453.421**	**90.500.374.085**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 43.983.421.956 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.207.876.016 VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	-	-	-
Số tăng trong kỳ	**3.100.000.000**	**5.832.719.136**	**8.932.719.136**
Thuê trong kỳ	3.100.000.000	5.832.719.136	**8.932.719.136**
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-		-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**3.100.000.000**	**5.832.719.136**	**8.932.719.136**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	-	-	-
Số tăng trong kỳ	**64.583.334**	**53.822.846**	**118.406.180**
Tăng trong kỳ	64.583.334	53.822.846	**118.406.180**
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-		-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**64.583.334**	**53.822.846**	**118.406.180**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**3.035.416.666**	**5.778.896.290**	**8.814.312.956**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	**618.292.634**	**100.000.000**	**-**	**718.292.634**
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**618.292.634**	**100.000.000**	**-**	**718.292.634**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	**77.322.313**	**45.916.667**	**-**	**123.238.980**
Khấu hao trong kỳ	3.220.272	2.750.001	-	5.970.273
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**80.542.585**	**48.666.668**	**-**	**129.209.253**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	**540.970.321**	**54.083.333**	**-**	**595.053.654**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023	**537.750.049**	**51.333.332**	**-**	**589.083.381**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 537.750.049 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	23.807.281.385	13.636.905.417
Cộng	**23.807.281.385**	**13.636.905.417**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	**74.600.753.232**	**74.600.753.232**	**91.361.536.285**	**91.361.536.285**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	40.550.606.552	40.550.606.552	55.299.626.991	55.299.626.991
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	19.470.424.046	19.470.424.046	15.514.580.146	15.514.580.146
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD ICV Việt Nam	5.942.675.628	5.942.675.628	9.660.979.849	9.660.979.849
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	6.361.505.722	6.361.505.722	7.032.383.015	7.032.383.015
Công ty Cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả	2.275.541.284	2.275.541.284	3.853.966.284	3.853.966.284
Bên thứ ba	**90.915.119.283**	**90.915.119.283**	**101.276.627.900**	**101.276.627.900**
Công Ty Cổ phần Tập Đoàn Trí Nam	17.814.637.800	17.814.637.800	17.814.637.800	17.814.637.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Asphalt	16.656.985.996	16.656.985.996	7.351.840.089	7.351.840.089
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Hưng Hà Nội	1.986.140.432	1.986.140.432	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Đầu tư Bình Minh	1.909.728.000	1.909.728.000	1.909.728.000	1.909.728.000
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	1.633.637.312	1.633.637.312	3.146.471.706	3.146.471.706
Công ty TNHH Tổng hợp Minh Lai	1.359.841.542	1.359.841.542	8.734.085.571	8.734.085.571
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận	1.215.672.656	1.215.672.656	-	-
Công ty TNHH Máy Xây dựng Việt Nhật	-	-	3.410.000.000	3.410.000.000
Đối tượng khác	48.338.475.545	48.338.475.545	58.909.864.734	58.909.864.734
Cộng	**165.515.872.515**	**165.515.872.515**	**192.638.164.185**	**192.638.164.185**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên liên quan	**57.252.994.274**	**73.032.991.055**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	57.252.994.274	73.032.991.055
Bên thứ ba	**197.902.499.441**	**38.900.254.873**
Ban Quản lý dự án 2	145.069.738.630	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	34.003.674.354	31.662.067.026
Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng	14.146.981.294	-
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần XD Công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Đối tượng khác	711.277.867	3.267.360.551
Cộng	**255.155.493.715**	**111.933.245.928**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01.01.2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31.03.2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.041.209.823	7.413.893.148	4.371.933.129	7.083.169.842
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.213.906.403	7.787.344.296	34.213.906.403	7.787.344.296
Thuế thu nhập cá nhân	197.525.390	437.894.259	585.105.137	50.314.512
Thuế tài nguyên	-	411.985.113	411.985.113	-
Thuế khác	-	266.841.688	266.841.688	-
Cộng	**38.452.641.616**	**16.317.958.504**	**39.849.771.470**	**14.920.828.650**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí	-	653.353.871
Trích trước chi phí lãi vay	-	254.928.314
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	41.336.057.236	24.590.248.324
Cộng	**41.336.057.236**	**25.498.530.509**

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Doanh thu nhận trước	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	**1.100.000.000**	**1.100.000.000**

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Doanh thu nhận trước	8.525.000.000	8.800.000.000
Khác	12.133.578	-
Cộng	**8.537.133.578**	**8.800.000.000**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên liên quan	**45.547.811.101**	**47.912.104.711**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	22.788.615.791	26.298.646.606
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	22.759.195.310	21.613.458.105
Bên thứ ba	**28.397.154.686**	**28.457.036.934**
Kinh phí công đoàn	1.461.960.864	1.949.088.664
Quỹ ủng hộ	418.533.926	418.533.926
Tạm ứng (số dư có 141)	443.919.408	414.342.117
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.072.740.488	25.675.072.227
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	*19.518.295.660*	*18.650.350.455*
Công ty France Emulsion	*1.606.087.366*	*1.606.087.366*
Đối tượng khác	*4.948.357.462*	*5.418.634.406*
Cộng	**73.944.965.787**	**76.369.141.645**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31.03.2023		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01.01.2023	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	**-**	**-**	**-**	**55.036.895.603**	**55.036.895.603**	**55.036.895.603**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-	-	-	55.036.895.603	55.036.895.603	55.036.895.603
Bên thứ ba	**168.785.971.208**	**168.785.971.208**	**87.926.693.119**	**92.298.531.130**	**173.157.809.219**	**173.157.809.219**
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Đà Nẵng	88.751.327.802	88.751.327.802	46.828.331.747	70.397.404.996	112.320.401.051	112.320.401.051
Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long Hà Nội	77.267.869.851	77.267.869.851	41.098.361.372	21.827.014.192	57.996.522.671	57.996.522.671
Cán bộ, công nhân viên	2.766.773.555	2.766.773.555	-	74.111.942	2.840.885.497	2.840.885.497
Cộng	**168.785.971.208**	**168.785.971.208**	**87.926.693.119**	**147.335.426.733**	**228.194.704.822**	**228.194.704.822**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 31.03.2023		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01.01.2023	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trên 1 năm đến 5 năm	**148.971.250.736**	**148.971.250.736**	**24.775.991.049**	**3.124.859.307**	**127.320.118.994**	**127.320.118.994**
Bên liên quan	**71.761.400.000**	**71.761.400.000**	**14.950.000.000**	**1.300.000.000**	**58.111.400.000**	**58.111.400.000**
Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	56.811.400.000	56.811.400.000	-	1.300.000.000	58.111.400.000	58.111.400.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	14.950.000.000	14.950.000.000	14.950.000.000	-	-	-
Bên thứ ba	**77.209.850.736**	**77.209.850.736**	**9.825.991.049**	**1.824.859.307**	**69.208.718.994**	**69.208.718.994**
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	44.000.000.000	44.000.000.000	-	-	44.000.000.000	44.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	24.048.923.353	24.048.923.353	-	1.159.795.641	25.208.718.994	25.208.718.994
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	9.160.927.383	9.160.927.383	9.825.991.049	665.063.666	-	-
Cộng	**148.971.250.736**	**148.971.250.736**	**24.775.991.049**	**3.124.859.307**	**127.320.118.994**	**127.320.118.994**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Cà vẹt xe ô tô, giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà tại căn hộ Plaza
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Tín chấp
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long Hà Nội	450.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Tín chấp
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	400.000.000.000	12 tháng	8%/năm	Tín chấp
5	Vay cán bộ công nhân viên Công ty	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại NH Công ty đang giao dịch	Tín chấp

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Tín chấp
2	Công ty Cổ Phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	125.400.000.000	24 tháng	8%/năm	Tín chấp
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ	Cà vẹt xe ô tô
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	300.000.000.000	24 tháng	9,9 %/năm	Tín chấp
5	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	9.825.991.049	60 tháng	Từ 10,95% ->10,80%/năm	Tín chấp

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2022	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**291.046.893.799**	**2.969.531.115.486**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	35.446.822.897	35.446.822.897
Tăng khác					
Tại ngày 31.03.2022	**2.673.840.900.000**	**(208.000.000)**	**4.851.321.687**	**326.493.716.696**	**3.004.977.938.383**
Tại ngày 01.01.2023	**3.078.044.500.000**	**(537.900.000)**	**7.148.483.380**	**454.240.001.974**	**3.538.895.085.354**
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	36.194.105.786	36.194.105.786
Trả thù lao cho HĐQT	-	-	-	-	-
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Tại ngày 31.03.2023	**3.078.044.500.000**	**(537.900.000)**	**7.148.483.380**	**490.434.107.760**	**3.575.089.191.140**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.03.2023 VND	%	01.01.2023 VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả (*)	37.892.550.000	1,23%	37.892.550.000	1,23%
Hồ Minh Hoàng	18.000.000.000	0,58%	18.000.000.000	0,58%
Phạm Đình Thắng	200.100.000.000	6,50%	-	-
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	619.000.000.000	20,11%	1.036.662.500.000	33,68%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.203.051.950.000	71,58%	1.985.489.450.000	64,50%
Cộng	**3.078.044.500.000**	**100,00%**	**3.078.044.500.000**	**100,00%**

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,23%	1,23%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	*1,23%*	*1,23%*
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	20,06%	20,11%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*20,06%*	*20,11%*
Cộng	**21,29%**	**21,34%**

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 21,34%, tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội đồng quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	3.078.044.500.000	2.673.840.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	3.078.044.500.000	2.673.840.900.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu

	31.03.2023 Cổ phiếu	01.01.2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	307.804.450	307.804.450
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	307.804.450	307.804.450
- Cổ phiếu phổ thông	307.804.450	307.804.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	307.804.450	307.804.450
- Cổ phiếu phổ thông	307.804.450	307.804.450
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**222.467.126.881**	**137.035.275.849**
Doanh thu hoạt động xây lắp	146.280.674.812	45.347.479.208
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	61.790.451.817	59.076.350.304
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	5.361.371.818	17.632.788.494
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	6.090.318.181	3.136.334.596
Doanh thu khác	2.944.310.253	11.842.323.247
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**222.467.126.881**	**137.035.275.849**
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	***141.740.280.878***	***119.034.468.043***
Doanh thu hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	*58.497.628.181*	*59.076.350.304*
Doanh thu hoạt động xây lắp	*76.683.449.436*	*41.976.212.717*
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	*5.361.371.818*	*17.632.788.494*
Doanh thu khác	*1.197.831.443*	*349.116.528*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	**31.03.2022 VND**
Giá vốn hoạt động xây lắp	124.040.437.421	42.733.895.239
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng hầm, đường	37.348.123.794	30.293.001.188
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	4.664.241.681	11.183.040.995
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	3.577.204.378	3.079.153.338
Giá vốn khác	835.456.800	389.022.876
Cộng	**170.465.464.074**	**87.678.113.636**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	**31.03.2022 VND**
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.191.643.351	7.558.092.786
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.155.983.922	32.052.335
Cộng	**6.347.627.273**	**7.590.145.121**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	**31.03.2022 VND**
Lãi tiền vay	6.850.983.661	6.702.830.804
Cộng	**6.850.983.661**	**6.702.830.804**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023	**31.03.2022**
	VND	**VND**
Chi phí nhân công	3.672.546.258	2.738.061.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.424.667	414.624.118
Chi phí khấu hao	140.231.532	70.847.734
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	17.931.434
Thuế, phí, lệ phí	5.500.000	3.000.000
Chi phí nguyên, vật liệu	18.683.708	-
Các khoản chi phí khác	3.298.473.998	4.570.921.466
Cộng	**7.516.860.163**	**7.815.386.566**

6. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023	**31.03.2022**
	VND	**VND**
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	147.371.354	
Các khoản khác	9.958	-
Cộng	**147.381.312**	**-**

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023	**31.03.2022**
	VND	**VND**
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	147.371.354	-
Các khoản khác	6.132	-
Cộng	**147.377.486**	**-**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.037.852.595	67.334.201.190
Chi phí nhân công	51.392.374.187	45.323.631.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.759.813.603	8.424.289.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.749.093.295	1.295.087.215
Chi phí khác bằng tiền	25.318.907.817	19.872.359.549
Cộng	**206.258.041.497**	**142.249.568.452**

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.787.344.296	6.982.267.067
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**7.787.344.296**	**6.982.267.067**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. **Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai:** Không có

2. **Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**: Không có.

3. **Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	112.702.684.168	100.282.216.141

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

4. Số tiền thực trả gốc trong năm

	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
	31.03.2023 VND	31.03.2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	149.795.222.374	59.028.825.906

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

3. Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023				
Phải trả cho người bán	165.515.872.515	-	-	165.515.872.515
Người mua trả tiền trước	255.155.493.715	-	-	255.155.493.715
Vay và nợ	168.785.971.208	122.240.590.460	26.730.660.276	317.757.221.944
Chi phí phải trả	41.336.057.236	-	-	41.336.057.236
Các khoản phải trả phải nộp khác	99.647.331.397	3.037.133.578	5.500.000.000	108.184.464.975
Cộng	**730.440.726.071**	**125.277.724.038**	**32.230.660.276**	**887.949.110.385**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2022 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) và Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2022 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2022.

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT	NGUYỄN VĂN ÂN	NGUYỄN QUANG HUY

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- ***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan***: Không phát sinh

- ***Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan***: Không có.

- ***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:***

		Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
		31.03.2023	**31.03.2022**
		VND	**VND**
Tiền lương		**935.000.000**	**795.869.565**
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	210.000.000	210.000.000
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc thường trực	165.000.000	90.869.565
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	120.000.000	120.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	105.000.000	60.000.000
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	110.000.000	100.000.000
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	105.000.000	105.000.000
Nguyễn Văn Ân	Kế toán trưởng	120.000.000	110.000.000

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai đến ngày 19/4/2022
Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy đến ngày 24/03/2022
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang.
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng.
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của PTGĐ Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh; Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Nguyễn Quang Huy; PTGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy; PTGĐ Thường trực Trần Văn Chí.

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Công ty con

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	68,34%	68,34%	15.651.561.957	67.259.371.784
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	72,09%	72,09%	16.695.462.441	(324.447.976.549)
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,32%	99,32%	9.506.994.217	47.733.460.473

Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	21,95%	21,95%	5.520.864.551	18.946.868.703
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,21%	50,00%	26.340.715.100	301.516.619.825
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	(1.825.180.730)	1.710.302.331

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

			Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
Bên liên quan	**Mối quan hệ**	**Nội dung nghiệp vụ**	**31.03.2023 VND**	**31.03.2022 VND**
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.449.129.090	16.094.990.471
		Góp vốn	-	120.011.400.000
		Đặt cọc góp vốn	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	61.960.152.726	50.822.493.536
		Đặt cọc góp vốn	15.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	5.844.950.910	6.763.901.323
		Nhận cổ tức	5.191.643.351	7.558.092.786
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	9.955.345.056	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	513.737.273	3.027.753.468
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	63.358.042.165	24.851.302.533
		Mua hàng hóa, dịch vụ	17.041.216.656	392.625.199
		Chi phí lãi vay	453.073.582	819.697.816
		Trả tiền vay	55.036.895.603	12.500.000.000
		Nhận tiền vay	14.950.000.000	7.100.000.000

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2023 VND	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 31.03.2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Chi phí lãi vay	1.145.737.205	2.513.095.890
		Trả tiền vay	1.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Người có liên quan của Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai đến ngày 19/4/2022	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	95.454.546
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Mua hàng hóa, dịch vụ	5.454.854.000	6.920.617.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Người có liên quan của Thành viên HĐQT, TGĐ Nguyễn Quang Huy đến ngày 24/03/2022	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	106.363.638
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.455.640.000	81.818.181

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

			Kỳ 3 tháng kết thúc ngày	
Bên liên quan	**Mối quan hệ**	**Nội dung nghiệp vụ**	**31.03.2023 VND**	**31.03.2022 VND**
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của PTGĐ Lê Châu Thắng; TV HĐQT Võ Thụy Linh; TV HĐQT kiêm TGĐ Nguyễn Quang Huy; PTGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; KTT Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy; PTGĐ Thường trực Trần Văn Chí.	Bán hàng hóa, dịch vụ	334.027.272	65.480.163
		Thu nhập khác từ thanh lý công cụ dụng cụ	147.371.354	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	5.356.594.545	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng.	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.677.230.088	17.124.910.184
		Mua hàng hóa, dịch vụ	15.918.922.354	845.584.415

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Công nợ với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN			**366.970.065.804**	**425.436.098.271**
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	4.448.162.657	12.094.080.657
		Vận hành trạm thu phí	13.788.447.750	15.398.206.000
		Thi công hoạt động xây lắp	3.786.886.500	3.786.886.500
		Cộng	**22.023.496.907**	**31.279.173.157**
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	100.470.192.952	95.000.558.951
		Vận hành trạm thu phí	16.321.316.005	14.065.549.005
		Thi công hoạt động xây lắp	100.858.095.320	94.642.826.921
		Dịch vụ khác	965.076.270	965.076.270
		Cộng	**218.614.680.547**	**204.674.011.147**
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con			
		Vận hành trạm thu phí	1.556.560.500	567.089.100
		Thi công công trình xây lắp	11.543.277.726	11.543.277.726
		Vận hành bảo dưỡng hầm, đường	23.494.144.730	25.091.439.730
		Cộng	**36.593.982.956**	**37.201.806.556**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	8.993.376.495	8.762.341.095
		Vận hành các trạm thu phí	3.455.741.000	4.598.838.600
		Cộng	**12.449.117.495**	**13.361.179.695**
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của PTGĐ Lê Châu Thắng; TV HĐQT Võ Thụy Linh; TV HĐQT kiêm TGĐ Nguyễn Quang Huy; PTGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; KTT Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy; PTGĐ Thường trực Trần Văn Chí.	Thi công công trình xây lắp	655.467.489	125.929.000
		Cộng	**655.467.489**	**125.929.000**
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, PCT HĐQT Nguyễn Tấn Động, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Thuê xe	388.363.635	388.363.635
		Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	14.122.071.303	21.710.096.063
		Cộng	**14.510.434.938**	**22.098.459.698**
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng.	Thi công công trình xây lắp	62.122.885.472	116.695.539.018
		Cộng	**62.122.885.472**	**116.695.539.018**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			**132.002.881.669**	**117.002.881.669**
Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn	102.000.000.000	102.000.000.000
		Cộng	**102.000.000.000**	**102.000.000.000**
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bảo hành các công trình xây lắp	14.881.361.082	14.881.361.082
		Đặt cọc góp vốn	15.000.000.000	-
		Cộng	**29.881.361.082**	**14.881.361.082**
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay	100.000.000	100.000.000
		Cộng	**100.000.000**	**100.000.000**
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng.	Phải thu khác	21.520.587	21.520.587
		Cộng	**21.520.587**	**21.520.587**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			**74.600.753.232**	**91.361.536.285**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty liên kết	Phải trả mua vật tư	5.942.675.628	9.660.979.849
		Cộng	**5.942.675.628**	**9.660.979.849**
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Phải trả tiền vé máy bay	2.343.257.131	2.225.900.836
		Phải trả tiền cung cấp công nghệ thông tin	4.212.747.000	3.919.434.750
		Phải trả mua công cụ dụng cụ, tài sản	558.936.253	558.936.253
		Phải trả mua vật tư	22.622.897.537	37.782.586.521
		Phải trả mua đồng phục	3.765.389.805	3.765.389.805
		Phải trả chi phí đào tạo thạc sĩ	580.000.000	580.000.000
		Phải trả khác	6.467.378.826	6.467.378.826
		Cộng	**40.550.606.552**	**55.299.626.991**
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Người có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Phải trả cung cấp dịch vụ	19.470.424.046	15.514.580.146
		Cộng	**19.470.424.046**	**15.514.580.146**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của PTGĐ Lê Châu Thắng; TV HĐQT Võ Thụy Linh; TV HĐQT kiêm TGĐ Nguyễn Quang Huy; PTGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; KTT Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy; PTGĐ Thường trực Trần Văn Chí.	Phải trả cung cấp dịch vụ	2.275.541.284	3.853.966.284
		Cộng	**2.275.541.284**	**3.853.966.284**
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Người có liên quan của PCT HĐQT Nguyễn Hữu Hùng.	Phải trả cung cấp dịch vụ	6.361.505.722	7.032.383.015
		Cộng	**6.361.505.722**	**7.032.383.015**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN			**57.252.994.274**	**73.032.991.055**
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Ứng trước thi công hoạt động xây lắp	57.252.994.274	73.032.991.055
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC			**45.547.811.101**	**47.912.104.711**
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền lãi vay	23.493.964.448	27.003.995.263
		Phải trả khác	(705.348.657)	(705.348.657)
		Cộng	**22.788.615.791**	**26.298.646.606**
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Tiền lãi vay	22.759.195.310	21.613.458.105
		Cộng	**22.759.195.310**	**21.613.458.105**
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN			**-**	**55.036.895.603**
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	-	55.036.895.603
		Cộng	**-**	**55.036.895.603**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

4. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.03.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG DÀI HẠN			**3.094.427.531**	**3.094.427.531**
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu thi công hoạt động xây lắp	3.094.427.531	3.094.427.531
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC			**221.530.970.000**	**221.530.970.000**
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	221.530.970.000	221.530.970.000
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN			**71.761.400.000**	**58.111.400.000**
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Vay dài hạn	14.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn	Vay dài hạn	56.811.400.000	58.111.400.000

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan